# PHẦN VĂN BẢN KHÁC

## CHỦ TỊCH NƯỚC

**CHỦ TỊCH NƯỚC** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 831/QĐ-CTN *Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2012*

### QUYẾT ĐỊNH
### Về việc cho nhập quốc tịch Việt Nam

### CHỦ TỊCH
### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 93/TTr-CP ngày 03/5/2012,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho nhập quốc tịch Việt Nam đối với 265 cá nhân có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Trương Tấn Sang**

**DANH SÁCH**
**NGƯỜI KHÔNG QUỐC TỊCH HIỆN ĐANG CƯ TRÚ TẠI TỈNH KON TUM ĐƯỢC NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM**
*(Kèm theo Quyết định số 831/QĐ-CTN ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Chủ tịch nước)*

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 1 | Y Te | | 1990 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Te | Đăk Ba, Đăk Dục, Ngọc Hồi | |
| 2 | Y Choai | | 1928 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Choai | Đăk Ba, Đăk Dục, Ngọc Hồi | |
| 3 | Y Chen | | 1991 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Chen | Đăk Răng, Đăk Dục, Ngọc Hồi | |
| 4 | Bloong Bung | 1976 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | Bloong Bung | Đăk Hú, Đăk Dục, Ngọc Hồi | |
| 5 | Bloong Thon (con của anh Bung) | 1996 | | Kon Tum | Bloong Thon | Đăk Hú, Đăk Dục, Ngọc Hồi | |
| 6 | Bloong Then (con của anh Bung) | 1999 | | Kon Tum | Bloong Then | Đăk Hú, Đăk Dục, Ngọc Hồi | |
| 7 | Y Thu (con của anh Bung) | | 2001 | Kon Tum | Y Thu | Đăk Hú, Đăk Dục, Ngọc Hồi | |
| 8 | Y Thú (con của anh Bung) | | 2003 | Kon Tum | Y Thú | Đăk Hú, Đăk Dục, Ngọc Hồi | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 9 | Y Thúy (con của anh Bung) | | 2006 | Kon Tum | Y Thúy | Đăk Hú, Đăk Dục, Ngọc Hồi | |
| 10 | Y Nghéo | | 1979 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Nghéo | Đăk Hú, Đăk Dục, Ngọc Hồi | |
| 11 | Y Khay | | 1973 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Khay | Bờ Y, Ngọc Hồi | |
| 12 | Thao Na (con anh Khay) | 2001 | | Kon Tum | Thao Na | Bờ Y, Ngọc Hồi | |
| 13 | Nàng Bu Da (con anh Khay) | | 2003 | Kon Tum | Nàng Bu Da | Bờ Y, Ngọc Hồi | |
| 14 | Nàng Viết (con anh Khay) | | 2005 | Kon Tum | Nàng Viết | Bờ Y, Ngọc Hồi | |
| 15 | Y An | | 1932 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y An | Đăk Nhoong, Đăk Glei | |
| 16 | Y Buộc | | 1985 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Buộc | Đăk Nhoong, Đăk Glei | |
| 17 | A Quyên (con anh Buộc) | 2006 | | Kon Tum | A Quyên | Đăk Nhoong, Đăk Glei | |
| 18 | Y Hội (con anh Buộc) | | 2008 | Kon Tum | Y Hội | Đăk Nhoong, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 19 | A Ngáp | 1960 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Ngáp | Đăk Nhoong, Đăk Glei | |
| 20 | A Bước (con anh Ngáp) | 1997 | | Kon Tum | A Bước | Đăk Nhoong, Đăk Glei | |
| 21 | A Bửa (con anh Ngáp) | 1999 | | Kon Tum | A Bửa | Đăk Nhoong, Đăk Glei | |
| 22 | Y Gu | | 1962 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Gu | Đăk Nhoong, Đăk Glei | |
| 23 | Y Bin | | 1983 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Bin | Đăk Nhoong, Đăk Glei | |
| 24 | Y Bay | | 1992 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Bay | Đăk Nhoong, Đăk Glei | |
| 25 | A Bả | 1990 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Bả | Đăk Nhoong, Đăk Glei | |
| 26 | Y Ban | | 1982 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Ban | Đăk Nhoong, Đăk Glei | |
| 27 | A Dang | 1951 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Dang | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 28 | Y Mơl | | 1954 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Mơl | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 29 | A Dẹp | 1992 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Dẹp | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 30 | A Thát | 1982 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Thát | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 31 | A Phan (con anh Thát) | 2002 | | Kon Tum | A Phan | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 32 | A Phở (con anh Thát) | 2006 | | Kon Tum | A Phở | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 33 | A Phúc (con anh Thát) | 2009 | | Kon Tum | A Phúc | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 34 | Y Thôn | | 1983 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Thôn | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 35 | A Hơn | 1980 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Hớn | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 36 | Y Tớn (con anh Hơn) | | 2000 | Kon Tum | Y Tớn | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 37 | Y Tị (con anh Hơn) | | 2002 | Kon Tum | Y Tị | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 38 | Y Tiết (con anh Hơn) | | 2005 | Kon Tum | Y Tiết | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 39 | Y Tôm (con anh Hơn) | | 2007 | Kon Tum | Y Tôm | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 40 | Y Dé | | 1981 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Dé | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 41 | A Mô | 1992 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Mô | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 42 | A Nhong | 1973 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Nhong | Măng Rao, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 43 | A Dật (con anh Nhong) | 2001 | | Kon Tum | A Dật | Măng Rao, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 44 | A Diểm (con anh Nhong) | 2005 | | Kon Tum | A Diểm | Măng Rao, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 45 | Y Dã | | 1977 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Dã | Măng Rao, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 46 | A Mol | 1940 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Dã | Thôn 14A, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 47 | Y Ôi | | 1956 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Ôi | Thôn 14A, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 48 | A Thẻ (con chị Ôi) | 2001 | | Kon Tum | A Thẻ | Thôn 14A, ĐăkPét, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 49 | Y Thách | | 1990 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Thách | Thôn 14A, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 50 | A Trung Hải (con anh Thách) | 2001 | | Kon Tum | A Trung Hải | Thôn 14A, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 51 | Y Thật | | 1992 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Thật | Thôn 14A, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 52 | A Dọ | 1984 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Dọ | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 53 | Y Quyến (con anh Dọ) | | 2009 | Kon Tum | Y Quyến | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 54 | Y Tám | | 1985 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Tám | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 55 | A Mou | 1965 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Mou | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 56 | A Liêng (con anh Mou) | 1998 | | Kon Tum | A Liêng | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 57 | Y Lão (con anh Mou) | | 2000 | Kon Tum | Y Lão | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 58 | A Gió | 1983 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Gió | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 59 | Y Tâu (con anh Gió) | | 2002 | Kon Tum | Y Tâu | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 60 | A Tuấn (con anh Gió) | 2006 | | Kon Tum | A Tuấn | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 61 | A Tưởng (con anh Gió) | 2011 | | Kon Tum | A Tưởng | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 62 | Y Nghem | | 1985 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Nghem | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 63 | Y Thím | | 1985 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Thím | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 64 | A Thiến (con chị Thím) | 2005 | | Kon Tum | A Thiến | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 65 | A Thở (con chị Thím) | 2007 | | Kon Tum | A Thở | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 66 | A Kheo | | 1986 | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Kheo | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 67 | A Trương (con anh Kheo) | 05/5/ 2006 | | Kon Tum | A Trương | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 68 | A Trại (con anh Kheo) | 2007 | | Kon Tum | A Trại | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 69 | A Thia | 1986 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Thia | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 70 | Y Hoan (con anh Thia) | | 2007 | Kon Tum | Y Hoan | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 71 | Y Dấu | | 1985 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Dấu | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 72 | Y Dan (con chị Dấu) | | 02/10/ 2006 | Kon Tum | Y Dan | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 73 | Y Diệu (con chị Dấu) | | 06/5/ 2010 | Kon Tum | Y Diệu | Đăk Nớ, ĐăkPét, Đăk Glei | |
| 74 | Y Hi | | 1958 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Hi | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 75 | A Thái (con chị Hi) | 1994 | | Kon Tum | A Thái | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 76 | A Thóc (con chị Hi) | 1996 | | Kon Tum | A Thóc | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 77 | A Thức (con chị Hi) | 1993 | | Kon Tum | A Thức | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 78 | A Gương | 1978 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Gương | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 79 | Y Dai (con anh Gương) | | 2002 | Kon Tum | Y Dai | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 80 | Y Dới (con anh Gương) | | 2007 | Kon Tum | Y Dới | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 81 | Y Nghiêng | | 1980 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Nghiêng | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 82 | Y Lạt | | 1930 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Lạt | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 83 | Y Mao | | 1942 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Mao | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 84 | A Nhạc | 1975 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Nhạc | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 85 | Y Doi (con anh Nhạc) | | 1994 | Kon Tum | Y Doi | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 86 | Y Don (con anh Nhạc) | | 1997 | Kon Tum | Y Don | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 87 | A Plươn (con anh Nhạc) | 2002 | | Kon Tum | A Plươn | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 88 | Y Phép (con anh Nhạc) | | 2004 | Kon Tum | Y Phép | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 89 | Y Ghim | | 1974 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Ghim | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 90 | A Lom | 1972 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Lom | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 91 | A Dó (con anh Lom) | 1994 | | Kon Tum | A Dó | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 92 | A Dan (con anh Lom) | 1996 | | Kon Tum | A Dan | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 93 | Y De (con anh Lom) | | 1998 | Kon Tum | Y De | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 94 | Y Dang (con anh Lom) | | 2000 | Kon Tum | Y Dang | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 95 | Y Dạt (con anh Lom) | | 2002 | Kon Tum | Y Dạt | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 96 | Y Dơi (con anh Lom) | | 2005 | Kon Tum | Y Dơi | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 97 | Y Dô (con anh Lom) | | 2007 | Kon Tum | Y Dô | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 98 | Y Mấy | | 1971 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Mấy | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 99 | A Lãi | 1972 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Lãi | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 100 | Y Do (con anh Lãi) | | 1996 | Kon Tum | Y Do | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 101 | Y Dêu (con anh Lãi) | | 1998 | Kon Tum | Y Dêu | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 102 | A Tom (con anh Lãi) | 2000 | | Kon Tum | A Tom | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 103 | Y Tam (con anh Lãi) | | 2003 | Kon Tum | Y Tam | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 104 | A Tụy (con anh Lãi) | 2007 | | Kon Tum | A Tụy | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 105 | Y Lụa | | 1974 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Lụa | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 106 | A Phen | 1980 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Phen | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 107 | A Bay (con anh Phen) | 2001 | | Kon Tum | A Bay | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 108 | A Bải (con anh Phen) | 2003 | | Kon Tum | A Bải | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 109 | Y Tháp | | 1983 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Tháp | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 110 | Y Dứt | | 1930 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Dứt | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 111 | Y Um | | 1962 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Um | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 112 | A Em | 1958 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Em | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 113 | Y Di | | 1962 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Di | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 114 | Y Tạ (con chị Di) | | 1995 | Kon Tum | Y Tạ | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 115 | A Tôm (con chị Di) | 1998 | | Kon Tum | A Tôm | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 116 | A Tuất (con chị Di) | 2001 | | Kon Tum | A Tuất | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 117 | A Tiếp (con chị Di) | 2004 | | Kon Tum | A Tiếp | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 118 | Y Tê (con chị Di) | | 2007 | Kon Tum | A Tê | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 119 | A Dơi | 1980 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Dơi | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 120 | Y Khơm (con anh Dơi) | | 1998 | Kon Tum | Y Khơm | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 121 | A Khôn (con anh Dơi) | 2000 | | Kon Tum | A Khôn | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 122 | Y Khụ (con anh Dơi) | | 2003 | Kon Tum | Y Khụ | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 123 | Y Khâu (con anh Dơi) | | 2005 | Kon Tum | Y Khâu | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 124 | Y Thíp | | 1981 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Thíp | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 125 | A Bôn | 1979 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Bôn | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 126 | Y Thơi (con anh Bôn) | | 2000 | Kon Tum | Y Thơi | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 127 | A Thể (con anh Bôn) | 2003 | | Kon Tum | A Thể | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 128 | Y Thây | | 1983 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Thây | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 129 | A Thiu | 1980 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Thiu | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 130 | Y Dao (con anh Thiu) | | 2003 | Kon Tum | Y Dao | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 131 | Y Dễ (con anh Thiu) | | 2007 | Kon Tum | Y Dễ | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 132 | Y Tiên | | 1986 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Tiên | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 133 | A Khiêm | 1984 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Kiêm | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 134 | Y Ký (con anh Khiêm) | | 2004 | Kon Tum | Y Ký | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 135 | Y Kiểu (con anh Khiêm) | | 2006 | Kon Tum | Y Kiểu | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 136 | Y Lệ | | 1985 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Lệ | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 137 | A Den | 1979 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Den | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 138 | Y Lát | | 1958 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Lát | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 139 | A Thợ (con chị Lát) | 1994 | | Kon Tum | A Thợ | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 140 | Y Thới | | 1992 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Thới | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 141 | A Khánh | 1979 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Khánh | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 142 | Y Thủy | | 1984 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Thủy | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 143 | Y Giống (con chị Thủy) | | 2001 | Kon Tum | Y Giống | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 144 | Y Gia (con chị Thủy) | | 2003 | Kon Tum | Y Gia | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 145 | A Di (con chị Thủy) | | 2009 | Kon Tun | A Di | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 146 | Y Xuân | | 1949 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Xuân | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 147 | Y (Y Prel Hiên) (con chị Xuân) | | 1993 | Kon Tum | Y Hiên | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 148 | A Dốt | 1976 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Dốt | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 149 | Y Hồng | | 1979 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Hồng | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 150 | A Xeng (con chị Hồng) | 1999 | | Kon Tum | A Xeng | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 151 | Y Xăm (con chị Hồng) | | 2001 | Kon Tum | Y Xăm | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 152 | Y Xon (con chị Hồng) | | 2003 | Kon Tum | Y Xon | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 153 | A Hồ | 1977 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Hồ | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 154 | Y Dương | | 1978 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Dong | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 155 | Y Khương (con chị Dương) | | 1996 | Kon Tum | Y Khương | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 156 | Y Khên (con chị Dong) | | 1998 | Kon Tum | Y Khên | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 157 | Y Khơn (con chị Dương) | | 2006 | Kon Tum | Y Khơn | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 158 | A Ngôi | 1938 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Ngôi | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 159 | Y Liếp (con anh Ngôi) | | 1998 | Kon Tum | Y Liếp | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 160 | Y A | | 1945 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y A | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 161 | A Lan | 1977 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Lan | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 162 | Y Miên | | 1978 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Miên | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 163 | A Doi (con chị Miên) | 2000 | | Kon Tum | A Doi | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 164 | Y Dên (con chị Miên) | | 2003 | Kon Tum | Y Dên | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 165 | Y Dang (con chị Miên) | | 2005 | Kon Tum | Y Dang | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 166 | Y Lâm (con chị Miên) | | 2009 | Kon Tum | Y Lâm | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 167 | A Phai | 1961 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Phai | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 168 | Y Dem | | 1962 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Dem | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 169 | A Sơn (con chị Dem) | 2003 | | Kon Tum | A Sơn | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 170 | Y Loan (con chị Dem) | | 2006 | Kon Tum | Y Loan | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 171 | A Xéc | 1993 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Xéc | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 172 | A Đào | 1940 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Đào | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 173 | Y Ong | | 1950 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Ong | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 174 | A Heo (con chị Ong) | 1993 | | Kon Tum | A Heo | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 175 | Y Dơ (con chị Ong) | | 2000 | Kon Tum | Y Dơ | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 176 | A Hau | 1982 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Hau | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 177 | A Đoàn | 1977 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Đoàn | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 178 | Y Hu | | 1979 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Hu | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 179 | Y Dũng (con chị Hu) | | 1998 | Kon Tum | Y Dũng | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 180 | A Trung (con chị Hu) | 2001 | | Kon Tum | A Trung | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 181 | A Hông | 1993 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Hông | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 182 | A Nghi | 1969 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Nghi | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 183 | Y Lui | | 1974 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Lui | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 184 | A Khoi (con chị Lui) | 1999 | | Kon Tum | A Khoi | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 185 | A Khang (con chị Lui) | 2002 | | Kon Tum | A Khang | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 186 | Y Khoan (con chị Lui) | | 2006 | Kon Tum | Y Khoan | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 187 | A Tùng | 1980 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Tùng | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 188 | Y Thợi | | 1984 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Thợi | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 189 | A Sao (con chị Thợi) | 2003 | | Kon Tum | A Sao | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 190 | A Xô (con chị Thợi) | 2006 | | Kon Tum | A Xô | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 191 | A Văng | 1948 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Văng | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 192 | Y Gru | | 1957 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Gru | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 193 | A Lộc (con chị Gru) | 1995 | | Kon Tum | A Lộc | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 194 | Y Thanh (con chị Gru) | | 1997 | Kon Tum | Y Thanh | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 195 | A Lá (con chị Gru) | 1993 | | Kon Tum | A Lá | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 196 | A Hiên | 1976 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Hiên | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 197 | Y Mâu | | 1982 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Mâu | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 198 | Y Háp (con anh Hiên) | | 1999 | Kon Tum | Y Háp | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 199 | A Hem (con anh Hiên) | 2001 | | Kon Tum | A Hem | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 200 | Y Hen (con anh Hiên) | | 2004 | Kon Tum | Y Hen | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 201 | Y Ban (con anh Hiên) | | 2007 | Kon Tum | Y Ban | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 202 | A Ngọc | 1978 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Ngọc | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 203 | Y Dế | | 1974 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Dế | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 204 | A Xưa (con chị Dế) | 2001 | | Kon Tum | A Xưa | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 205 | A Xanh (con chị Dế) | 2003 | | Kon Tum | A Xanh | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 206 | Y Sương (con chị Dế) | | 2005 | Kon Tum | Y Sương | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 207 | A Phương (con chị Dế) | 2007 | | Kon Tum | A Phương | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 208 | A Đâm | 1956 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Đâm | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 209 | Y Tang | | 1957 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Tang | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 210 | A Nghèo | 1993 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Nghèo | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 211 | A Ngô | 1981 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Ngô | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 212 | Y Khơ | | 1976 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Khơ | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 213 | A Năng (con chị Khơ) | 2002 | | Kon Tum | A Năng | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 214 | A Nạc (con chị Khơ) | 2004 | | Kon Tum | A Nạc | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 215 | A Nong (con chị Khơ) | 2007 | | Kon Tum | A Nong | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 216 | A Ninh (con chị Khơ) | 2011 | | Kon Tum | A Ninh | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 217 | Y Nhíc | | 1972 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Nhíc | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 218 | Y Diệt (con chị Nhíc) | | 1996 | Kon Tum | Y Diệt | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 219 | A Dơm (con chị Nhíc) | 1998 | | Kon Tum | A Dơm | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 220 | Y Phơn (con chị Nhíc) | | 1999 | Kon Tum | Y Phơn | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 221 | A Dương (con chị Nhíc) | 2000 | | Kon Tum | A Dương | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 222 | A Dược (con chị Nhíc) | 2005 | | Kon Tum | A Dược | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 223 | A Nhôn | 1986 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Nhôn | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 224 | Y Liên (con anh Nhôn) | | 2005 | Kon Tum | Y Liên | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 225 | Y Lóp | | 1993 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Lóp | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 226 | Y Phương Lệ (con chị Lóp) | | 2010 | Kon Tum | Y Phương Lệ | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 227 | Y Buôn | | 1986 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Buôn | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 228 | A Hiếu (con chị Buôn) | 2010 | | Kon Tum | A Hiếu | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 229 | Y Phít | | 1994 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Phít | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 230 | A Đông (con chị Phít) | 10/7/2010 | | Kon Tum | A Đông | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 231 | Y Dẹ | | 1986 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Dẹ | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 232 | A Ia | 1975 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Ia | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 233 | Y Tình | | 1982 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Tình | Đăk Môn, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 234 | Y Tưởng (con chị Tình) | | 2004 | Kon Tum | Y Tưởng | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 235 | Y Tím (con chị Tình) | | 2008 | Kon Tum | Y Tím | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 236 | A So | 1981 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A So | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 237 | Y Hằng (con anh So) | | 2010 | Kon Tum | Y Hằng | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 238 | A Vở | 1949 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Vở | Đăk Môn, Đăk Glei | |
| 239 | A Thao | 1953 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Thao | Thị trấn Đăk Glei, Đăk Glei | |
| 240 | Y Lăng | | 1957 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Lăng | Thị trấn Đăk Glei, Đăk Glei | |
| 241 | A Khó (con chị Lăng) | 1995 | | Kon Tum | A Khó | Thị trấn Đăk Glei, Đăk Glei | |
| 242 | Y Khăm (con chị Lăng) | | 1998 | Kon Tum | Y Khăm | Thị trấn Đăk Glei, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 243 | Y Kham | | 1992 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Kham | Thị trấn Đăk Glei, Đăk Glei | |
| 244 | A Trinh (con chị Kham) | 2007 | | Kon Tum | A Trinh | Thị trấn Đăk Glei, Đăk Glei | |
| 245 | A Ngọt | 1983 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Ngọt | Thị trấn Đăk Glei, Đăk Glei | |
| 246 | A Lanh | 1977 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Lanh | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 247 | A Kêm | 1980 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Kêm | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 248 | A Kim (con anh Kêm) | 1996 | | Kon Tum | A Kim | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 249 | Y Nim (con anh Kêm) | | 1999 | Kon Tum | Y Nim | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 250 | Y Núi (con anh Kêm) | | 2008 | Kon Tum | Y Núi | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 251 | A Mau | 1986 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Mau | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 252 | Y Tỉnh (con anh Mau) | | 2009 | Kon Tum | Y Tỉnh | Đăk Long, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 253 | A Luân | 1943 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Luân | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 254 | A Dol | 1975 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Dol | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 255 | Y Monh (con anh Dol) | | 1996 | Kon Tum | Y Monh | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 256 | Y Phón (con anh Dol) | | 2000 | Kon Tum | Y Phón | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 257 | Y Vôn (con anh Dol) | | 2003 | Kon Tum | Y Vôn | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 258 | A Vai (con anh Dol) | 2006 | | Kon Tum | A Vai | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 259 | Y Nãnh (con anh Dol) | | 2004 | Kon Tum | Y Nãnh | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 260 | Y Lổn | | 1959 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Lổn | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 261 | Y Tan (con chị Lổn) | | 1995 | Kon Tum | Y Tan | Đăk Long, Đăk Glei | |

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Nơi sinh | Tên gọi Việt Nam | Địa chỉ cư trú *(Tỉnh Kon Tum)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | |
| 262 | Y Glẳng | | 1966 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Glẳng | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 263 | Y Nhui | | 1950 | Khu vực biên giới Việt - Lào | Y Nhui | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 264 | Y Đôi (con chị Nhui) | | 1995 | Kon Tum | Y Đôi | Đăk Long, Đăk Glei | |
| 265 | A Kểng | 1994 | | Khu vực biên giới Việt - Lào | A Kểng | Đăk Long, Đăk Glei | |